

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM (CTG- HOSE)

“HOẠT ĐỘNG NGOÀI LÃI CÙNG CỐ ĐÀ TĂNG CỦA LỢI NHUẬN”

TRUNG LẬP

Lê Quang Trung

Email: trung.lequang@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành:	Ngân hàng
Ngày báo cáo:	04/05/2023
Giá hiện tại (VND/CP):	28.250
Giá mục tiêu (VND/CP):	29.900
Tỷ lệ tăng (%):	5,8%
Vốn hóa (Tỷ VND):	135.762
SLCPĐLH (CP):	4.805.750.609

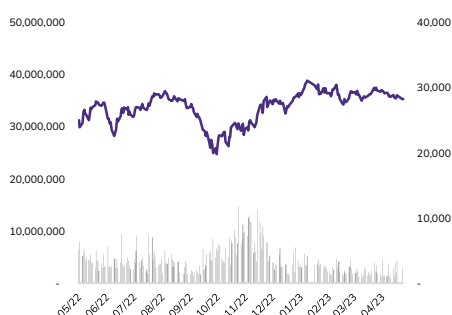
CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Mã cổ phiếu	CTG	Ngành
P/E	7,96	7,95
P/B	1,21	1,52
ROE	17,1%	19,48%
ROA	1,06%	1,76%

KQKD (tỷ đồng)	2021	2022
Thu nhập lãi thuần	41.788	47.792
Tổng thu nhập hoạt động	53.157	64.117
LNTT	17.589	20.946
NIM (%)	3,01%	2,98%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán, ABS tổng hợp

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: ABS Research

Luận điểm đầu tư

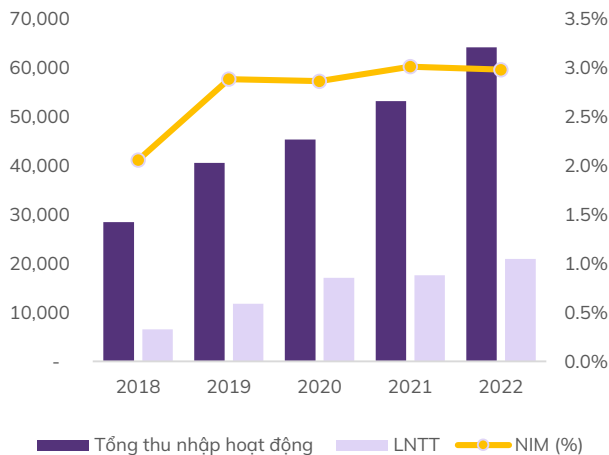
- Lũy kế cả năm 2022, CTG ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ khi LNTT đạt 20.946 tỷ đồng (+19,1% svck), cao thứ 3 trong toàn ngành chỉ sau VCB và BID. Kết quả kinh doanh của CTG trong các năm gần đây tích cực với mức tăng trưởng LNTT bình quân trong giai đoạn 2019 -2022 đạt 36,7%.
- Chúng tôi cho rằng triển vọng lợi nhuận của CTG trong năm 2023 sẽ tích cực dựa trên những yếu tố sau:
 - ✓ Tín dụng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh với vị thế là ngân hàng quốc doanh có tham gia nhiều chương trình hỗ trợ kinh tế.
 - ✓ Thay đổi cách tính LDR trong thời gian tới giúp cho ngân hàng có thể tăng tín dụng mà không cần phải gia tăng thêm nguồn vốn huy động từ đó giúp NIM được cải thiện.
 - ✓ Dịch vụ thu phí sẽ hưởng lợi nhờ ký kết hợp tác chiến lược bancassurance với Manulife sẽ giúp ngân hàng ghi nhận thêm được lợi nhuận tới từ phí trả trước
- Chúng tôi dự phóng LNTT năm 2023 của CTG đạt 23.050 tỷ đồng với BVPS 2023F là 24.917 đ/cp. Giá mục tiêu là 29.900 đ/cp tương ứng P/B 2023F ở mức 1,2x lần, và tiềm năng tăng giá 4,5% từ giá hiện tại.
- Chúng tôi giữ quan điểm **TRUNG LẬP** do giá hiện tại đang gần so với giá mục tiêu của chúng tôi.
- Rủi ro giảm giá:** Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến.

(Tỷ VNĐ,%)	2019	2020	2021	2022	2023F
Tổng thu nhập hoạt động	40.519	45.317	53.157	64.117	67.897
LNTT	11.781	17.085	17.589	20.946	23.050
% svck	79,6%	45,0%	3,0%	19,1%	10,0%
Tăng trưởng tín dụng (%)	7,3%	7,8%	11,1%	12,1%	11,5%
Tăng trưởng huy động vốn (%)	8,9%	10,6%	16,8%	9,3%	9,7%
ROE (%)	0,8%	1,1%	1,0%	1,0%	1,0%
NIM (%)	2,88%	2,86%	3,01%	2,98%	2,89%
CIR (%)	38,8%	35,5%	32,3%	29,6%	32,0%
NPL (%)	1,16%	0,94%	1,26%	1,24%	1,50%
LLCR (%)	120%	132%	180%	188%	167%
BVPS (VND)	17.126	18.079	20.775	22.508	25.104
P/B (x)	1,01	1,51	1,77	1,54	1,23

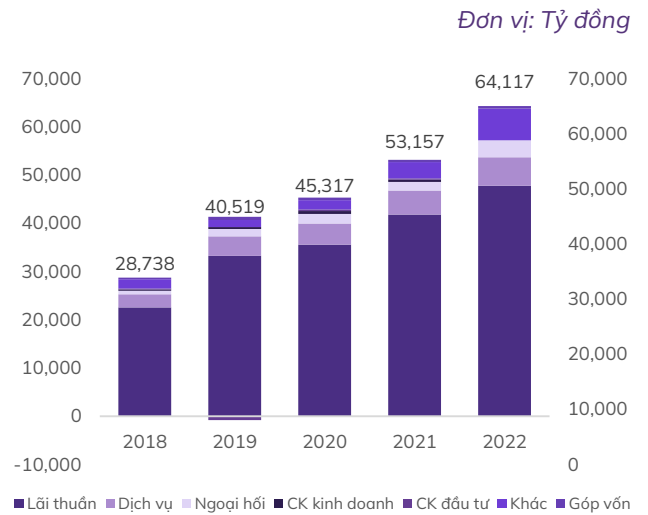
Cập nhật doanh nghiệp

- Kết quả kinh doanh 2022 ở mức cao trong ngành** với tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 64.117 tỷ đồng (+20,6% svck) và 20.946 tỷ đồng (+19,1% svck) là mức lợi nhuận cao thứ 3 trong toàn ngành chỉ sau VCB và BID. Kết quả kinh doanh của CTG trong các năm gần đây tích cực với mức tăng trưởng LNTT bình quân trong giai đoạn 2019 - 2022 đạt 36,7%.
- Thu nhập lãi thuần (NII)** đạt 47.791 tỷ đồng, tăng +14,4% svck, chiếm 74,5% tổng thu nhập năm 2022. NIM của ngân hàng được duy trì ổn định ở mức 2,98%, giảm nhẹ 4 điểm cơ bản so với năm 2021 do chi phí vốn gia tăng trước tác động của môi trường lãi suất cao. Ngân hàng cũng đã có các biện pháp cải thiện lợi suất cho vay nhằm bù đắp cho phần gia tăng của chi phí vốn và giúp NIM không biến động nhiều. Bên cạnh đó, tỷ lệ LDR của ngân hàng hiện ở mức 79,1% giảm so với mức 81,9% của năm 2021.
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) ghi nhận tăng trưởng mạnh** +43,6% svck, đạt 16.325 tỷ đồng. Tăng trưởng hoạt động ngoài lãi chủ yếu tới từ hoạt động thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro với giá trị đạt 5.362 tỷ đồng (+65,3% svck), hoạt động kinh doanh ngoại hối cũng tăng trưởng mạnh với giá trị đạt 3.556 tỷ đồng (+96,2% svck). Bên cạnh đó, trong năm 2022 CTG cũng đã ký kết hợp tác độc quyền bancassurance với Manulife từ đó giúp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng 18,17% svck đạt 5.862 tỷ đồng. Các hoạt động đầu tư chứng khoán của ngân hàng ghi nhận lỗ trong năm 2022 với tổng giá trị đạt -142 tỷ đồng so với mức lợi nhuận 720 tỷ đồng của năm 2021.
- Tăng cường trích lập dự phòng để ứng phó với rủi ro nợ xấu gia tăng.** Chi phí trích lập dự phòng của ngân hàng trong năm 2022 ghi nhận 24.163 tỷ đồng (+31,5% svck). Toàn bộ giá trị trích lập của ngân hàng trong kỳ là trích lập cho giá trị của các khoản cho vay khách hàng.

Tổng thu nhập hoạt động – LNTT giai đoạn 2018 –2022



Cơ cấu tổng thu nhập của CTG 2018 -2022

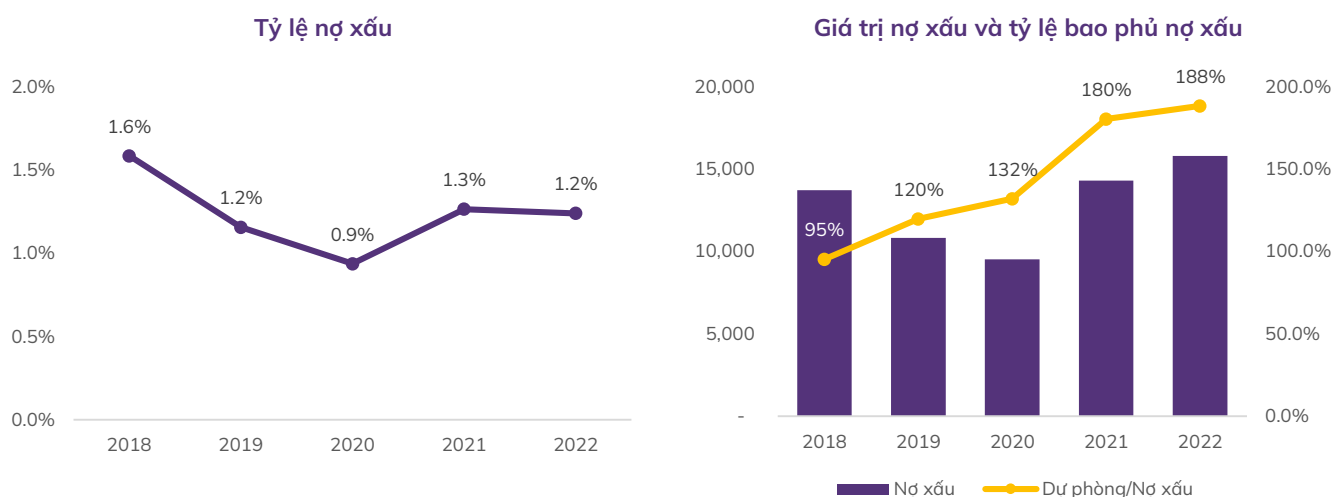


Nguồn: CTG, ABS Research

- Tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì ở mức cao.** CTG ghi nhận mức tăng trưởng tín dụng đạt 12,1% trong năm 2022 với giá trị đạt 1.279 nghìn tỷ đồng. Hiện giá trị cho vay của ngân hàng đang tập trung chủ yếu ở nhóm khách hàng bán lẻ và SMEs, chiếm 63,5% tổng dư nợ của ngân hàng và hiện dư nợ tập trung chính ở các nhóm ngành bán buôn và công nghiệp chế biến, chế tạo. Tổng huy động trong năm 2022 của ngân hàng tăng trưởng chậm hơn so với tín dụng, đạt +9,3% svck với giá trị đạt 1.340 nghìn tỷ đồng. CASA của doanh nghiệp đạt 20% giảm 1% svck nhưng nếu tính về giá trị thì CASA của ngân hàng đã tăng 7,1% so với năm 2021 nhờ thực hiện dịch chuyển khách hàng siêu vi mô từ phân khúc KHBL sang phân khúc KHDN. Trong Q1/2023, dư nợ tín dụng tại ngân hàng ghi nhận tăng trưởng 4,6% trong khi tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn ngành

chỉ đạt 2%. Dự nợ tín dụng cả cho vay khách hàng và trái phiếu doanh nghiệp tại Vietinbank tăng 4,6%. Trong đó, cho vay tăng 28.091 tỷ đồng, tăng 4,61% và trái phiếu doanh nghiệp giảm 1,43%.

- **Cơ cấu nợ ở mức an toàn.** Nhờ tích cực trích lập dự phòng để xử lý nợ xấu trong các năm gần đây đã giúp tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng được kiểm soát ở mức ổn định đạt 1,24% (cùng kỳ năm 2021 đạt 1,26) với giá trị nợ xấu đạt 15.801 tỷ đồng (+10,5% svck). Trong kỳ, ngân hàng cũng đã sử dụng 20.194 tỷ đồng để xử lý nợ xấu (tương đương 1,5% dư nợ cho vay khách hàng), đây là tỷ lệ xử lý nợ xấu cao nhất trong 5 năm qua của ngân hàng. Điểm trừ là tỷ lệ Dự phòng bao nợ xấu tiếp tục giảm còn 82,6% từ mức 83,6% năm trước. Theo như ngân hàng chia sẻ, tỷ lệ nợ xấu cuối quý 1 của ngân hàng mẹ hiện ở mức 1,28%



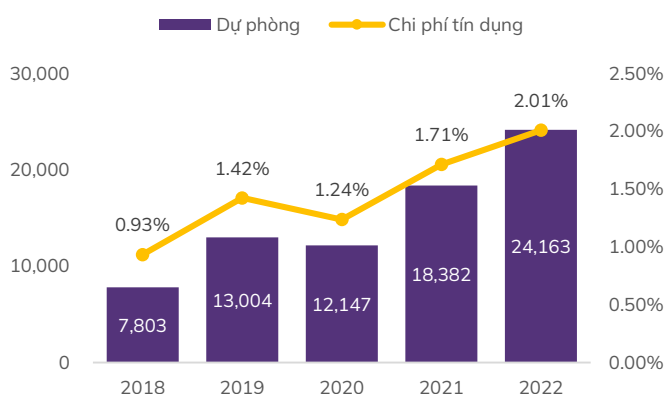
Nguồn: CTG, ABS Research

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2023

- **Tín dụng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.** Với vị thế là ngân hàng quốc doanh có tham gia nhiều chương trình hỗ trợ nền kinh tế nên chúng tôi kỳ vọng CTG sẽ tiếp tục được NHNN giao cho mức tăng trưởng tín dụng cao trong các năm tới. Chúng tôi dự báo trong năm 2023, tăng trưởng tín dụng được giữ ở mức 11,5% do ngân hàng đang ưu tiên chất lượng hơn tăng trưởng. Chúng tôi cũng dự báo tiền gửi tăng 9% YoY, nâng tỷ lệ LDR thuần lên 83,8%.
- **NIM giảm 9 điểm cơ bản xuống 2,89%** do lãi suất tăng cao trong năm 2022 sẽ ảnh hưởng tới chi phí vốn của năm 2023. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay bình quân của CTG dự kiến sẽ giảm trong thời gian tới do các chương trình hỗ trợ lãi suất cho vay ưu đãi để tài trợ cho khách hàng cá nhân vay vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Đồng thời ngân hàng cũng tham gia gói hỗ trợ 120 nghìn tỷ đồng do 4 ngân hàng TMCP quốc doanh (SOCB) cung cấp các dự án nhà ở xã hội và nhà ở công nhân với lãi suất thấp hơn lãi suất cho vay trung bình trên thị trường từ 1,5-2,0 điểm phần trăm.
- **Vốn chủ sở hữu dự kiến sẽ tăng lên mức 66.030 tỷ đồng.** Tại ĐHCĐ CTG đã trình và được phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối với giá trị lên tới 12.330 tỷ đồng. Bên cạnh đó ngân hàng cũng đang hoàn thiện thủ tục để thực hiện phương án tăng vốn từ 48.057 tỷ đồng lên 53.700 tỷ đồng được phê duyệt tại ĐHCĐ 2022.
- **CTG hưởng lợi từ quy định cách tính LDR mới** theo Thông tư 26/2022/TT-NHNN. Hiện giá trị tiền gửi của Kho bạc Nhà nước hiện nay đạt hơn 103.042 tỷ đồng sẽ giúp ngân hàng có thể cho vay thêm 51.521 tỷ đồng mà không cần phải gia tăng thêm nguồn vốn huy động tiền gửi.
- Thu nhập ngoài lãi dự kiến sẽ giảm 6,5% so với năm 2022 xuống mức 15.260 tỷ đồng, chủ yếu đến từ hoạt động dịch vụ với giá trị đạt 7.172 tỷ đồng (+22,3%svck) nhờ ký kết hợp tác chiến lược bancassurance với Manulife sẽ giúp ngân hàng ghi nhận thêm được lợi nhuận tới từ phí trả trước. Thu nhập từ giao dịch ngoại hối dự kiến giảm từ mức nền cao của 2022 do

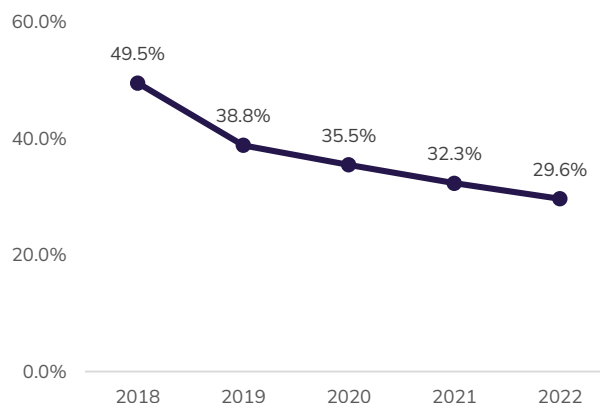
USD dự kiến ít biến động hơn và lãi suất từ hoạt động khác cũng sẽ sụt giảm do giá trị nợ xấu được thu hồi sau khi xử lý rủi ro sẽ không còn cao như năm 2022.

Chi phí dự phòng và chi phí tín dụng của CTG

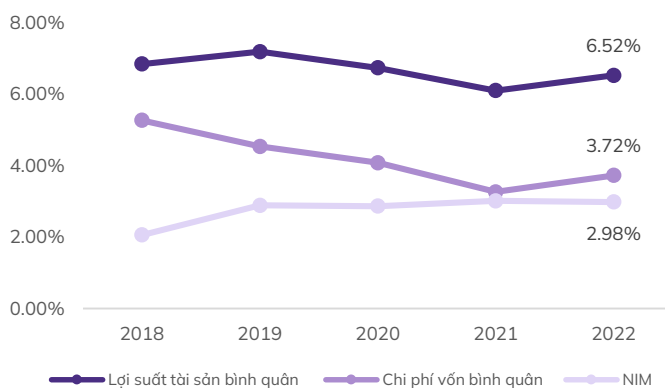


Tỷ lệ chi phí hoạt động/thu nhập của CTG

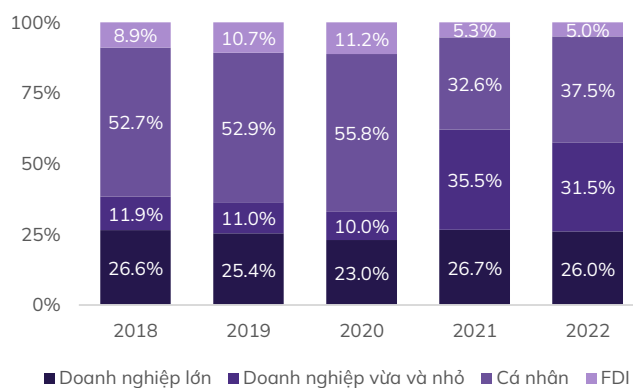
Đơn vị: Tỷ đồng



NIM



Cơ cấu cho vay của CTG



Nguồn: CTG, ABS Research

- **Chi phí hoạt động** dự kiến ở mức 21.727 tỷ đồng (+14,3% svck), với CIR tăng lên 32% từ mức 29,6% năm 2022.
- **NPL dự kiến sẽ tiếp tục gia tăng lên mức 1,5%** do rủi ro tín dụng trong ngành gia tăng. Cơ cấu cho vay doanh nghiệp lớn của ngân hàng hiện cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và đang chiếm 50% tổng dư nợ tại thời điểm Q1/2023. Chúng tôi dự báo chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ở mức 23.120 tỷ đồng (-4,3% svck), đồng thời CTG sẽ dùng 17.315 tỷ đồng xóa nợ xấu (-14,3% svck), tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu dự kiến tăng lên mức 166,8%.
- **LNTT 2023** ước tính ở mức **23.050 tỷ đồng (+10% YoY)**, tương ứng ROA và ROE đạt 0,97% và 16,26%. BVPS 2023F ước tính ở mức 24.917 đồng/CP.

Định giá và khuyến nghị

- Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá theo P/B cho cổ phiếu CTG. P/B mục tiêu chúng tôi sử dụng là 1.2x (điều chỉnh giảm 10% so với mức P/B trung bình của cổ phiếu trong 5 năm gần nhất là 1.3x). Mức định giá hợp lý của CTG năm 2023 ước tính là **29.900 đồng/cp, tiềm năng tăng giá 5,8%** so với giá hiện tại.
- Do đó chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu CTG do giá hiện tại đang ở gần so với giá mục tiêu của chúng tôi. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế mua khi cổ phiếu điều chỉnh về vùng hợp lý do triển vọng lợi nhuận của CTG giai đoạn tới vẫn khá lạc quan.
- **Rủi ro giảm giá:** Tỷ lệ nợ xấu tăng cao hơn dự kiến.

PHỤ LỤC

Tỷ đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Bảng cân đối kế toán					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8.283	9.930	11.331	11.067	10.640
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	24.874	57.617	23.383	29.727	38.125
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	129.389	102.533	149.317	242.432	271.524
Chứng khoán kinh doanh	470	137	1.455	3.059	3.059
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.825	5.602	2.475	1.406	2.477
Cho vay khách hàng	922.325	1.002.772	1.104.873	1.245.058	1.385.858
Chứng khoán đầu tư	104.615	114.942	177.545	180.313	188.064
Đầu tư dài hạn	3.283	3.336	3.290	3.519	3.519
Tài sản cố định	10.997	10.811	10.496	10.202	10.406
Tài sản Có khác	32.651	33.757	47.423	81.646	97.976
Tổng tài sản	1.240.711	1.341.436	1.531.587	1.808.430	2.011.648
Các khoản nợ NHNN	70.603	44.597	33.294	104.779	138.309
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	109.483	128.519	138.834	209.430	230.373
Tiền gửi của khách hàng	892.785	990.331	1.161.848	1.249.176	1.361.602
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	5.776	2.733	2.528	2.392	2.392
Phát hành giấy tờ có giá	57.066	59.876	64.497	91.370	109.645
Các khoản nợ khác	27.643	29.969	36.937	43.114	49.581
Tổng nợ phải trả	1.163.357	1.256.025	1.437.938	1.700.262	1.891.902
Vốn	46.725	46.416	57.548	57.868	75.841
Dự phòng	9.610	11.605	13.673	16.075	18.847
Chênh lệch tỷ giá	626	482	245	121	121
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	19.833	26.001	21.488	33.364	24.197
Tổng vốn chủ sở hữu	76.793	84.504	92.955	107.428	119.007
Lợi ích của cổ đông thiểu số	561	599	695	739	739
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	1.240.711	1.341.128	1.531.587	1.808.430	2.011.648
Tăng trưởng					
Huy động	8,9%	10,6%	16,8%	9,3%	9,7%
Tín dụng	7,3%	7,8%	11,1%	12,1%	11,5%
Tổng tài sản	6,6%	8,1%	14,2%	18,1%	11,2%
Vốn chủ sở hữu	14,9%	10,0%	10,0%	15,5%	10,7%
Thu nhập lãi thuần	49,5%	7,2%	17,4%	14,4%	10,1%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	42,4%	11,8%	17,3%	20,6%	5,9%
Chi phí hoạt động	11,7%	2,2%	6,8%	10,6%	14,3%
Lợi nhuận trước thuế	79,6%	45,0%	3,0%	19,1%	10,0%
Lợi nhuận sau thuế	79,6%	45,2%	3,3%	18,4%	10,0%
Định giá					
P/E	10,63	13,77	9,90	9,90	13,68
P/B	1,01	1,51	1,77	1,54	1,70
BVPS (VND)	17.126	18.079	20.775	22.508	18.135

Triệu đồng	2019	2020	2021	2022	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh					
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	82.743	83.678	84.628	104.665	111.528
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(49.544)	(48.097)	(42.840)	(56.873)	(58.891)
Thu nhập lãi thuần	33.199	35.581	41.788	47.792	52.637
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	7.888	8.343	9.573	11.549	15.591
Chi phí hoạt động dịch vụ	(3.833)	(4.002)	(4.612)	(5.687)	(8.419)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.055	4.341	4.961	5.862	7.172
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.564	2.000	1.812	3.556	3.022
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	366	601	496	(112)	400
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(791)	361	224	(30)	(88)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	1.497	1.910	3.398	6.537	4.354
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	628	524	477	512	400
Tổng thu nhập hoạt động	40.519	45.317	53.157	64.117	67.897
Chi phí hoạt động	(15.735)	(16.085)	(17.186)	(19.007)	(21.727)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	24.785	29.232	35.971	45.109	46.170
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(13.004)	(12.147)	(18.382)	(24.163)	(23.120)
Tổng lợi nhuận trước thuế	11.781	17.085	17.589	20.946	23.050
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.304)	(3.328)	(3.374)	(4.111)	(4.524)
Lợi nhuận sau thuế	9.477	13.757	14.215	16.835	18.526
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(16)	(64)	(127)	(60)	(42)
EPS	1.966	3.678	2.510	3.491	2.254
Nhu cầu vốn					
CAR	9,3%	9,0%	9,1%	9,0%	9,0%
VCSH/TTS	6,2%	6,3%	6,1%	6,0%	6,0%
Chất lượng tài sản					
NPL	1,2%	0,9%	1,3%	1,2%	1,5%
Dự phòng bao nợ xấu	119,7%	132,0%	180,4%	188,4%	166,8%
Hệ số quản lý					
CIR	38,8%	35,5%	32,3%	29,6%	32,0%
TLDP/lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.681	1.851	2.171	2.619	2.727
Lãi thuần trên mỗi nhân viên	489	698	719	856	926
Lợi nhuận trước thuế trên nhân viên	35.543	39.475	46.344	55.851	58.481
Lợi nhuận trên mỗi chi nhánh/PGD	10.334	14.882	15.335	18.246	19.854
Lợi nhuận					
NIM	2,88%	2,86%	3,01%	2,98%	2,89%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HĐKD	18,07%	21,49%	21,39%	25,46%	22,48%
ROA	0,79%	1,07%	0,99%	1,01%	0,97%
ROE	13,10%	16,94%	15,91%	16,68%	16,26%
Thanh khoản					
LDR	89,98%	87,17%	83,61%	82,59%	83,84%

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Nguyên tắc khuyến nghị

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Năng lượng, Xây lắp, VLXD

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Bảo hiểm, Ngân hàng

Lê Thu Huyền - Chuyên viên

Email: huyen.lethu@abs.vn

BDS Dân cư, Thép

Trần Bình Minh - Chuyên viên

Email: minh.tranbinh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Nguyễn Phương Thảo - Chuyên viên

Email: thao.nphuong@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Đỗ Thành Trung - Phó Giám đốc

Email: trung.dothanh@abs.vn

Ngân hàng, BDS KCN, Cao su

Lê Quang Trung - Chuyên viên

Email: trung.lequang@abs.vn

Chứng khoán, Cảng biển

Trần Quang Huy, ACCA - Chuyên viên

Email: huy.tranquang@abs.vn

Hóa chất, Lương thực, Dữ liệu

Trịnh Thu Trang - Chuyên viên

Email: trang.trinhthu@abs.vn